

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2025
“ V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Quyên;

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hồng Yến - Thư ký Tòa án khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị Mỹ L, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Mai Hữu T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, tất cả đều có văn bản xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị Mỹ L thể hiện ý kiến như sau: Chị và anh Mai Hữu T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã T) vào ngày 27/8/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị về nhà mẹ ruột sống. Nay chị yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Mai Hữu T. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Mai Hữu T2, sinh ngày 28/01/2014. Chị L đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo văn bản và xin vắng mặt ngày 15/7/2025 của anh Mai Hữu T thể hiện ý kiến như sau: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn. Về con chung thì vợ chồng có 01 (một) người con tên Mai Hữu T2, sinh ngày 28/01/2014 (đang sống với anh). Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con vì vợ anh không từ mà biệt bỏ cha con anh nhiều năm nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận đi làm thuê nên xin được vắng mặt tất cả các giai đoạn của Tòa án kể cả xét xử sơ thẩm và phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định đây là vụ kiện “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và tất cả đều có văn bản xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Triệu Thị Mỹ L và anh Mai Hữu T chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân B (nay là xã T) vào ngày 27/8/2013 theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị Triệu Thị Mỹ L và anh Mai Hữu T xét thấy cuộc sống vợ chồng của anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau. Chị L cương quyết ly hôn và anh T cũng có văn bản đồng ý ly hôn nhưng xin vắng mặt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Mai Hữu T2, sinh ngày 28/01/2014 (đang sống với anh T). Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất để anh Mai Hữu T tiếp tục nuôi. Cháu T2 có bản khai ngày 15/7/2025 thể hiện nguyện vọng muốn sống với cha nên để anh Mai Hữu T tiếp tục nuôi con chung là phù hợp. Chị L được quyền thăm con theo quy định mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không tự nguyện cấp dưỡng, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Chị Triệu Thị Mỹ L được ly hôn với anh Mai Hữu T.

- Về con chung: Anh Mai Hữu T được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Mai Hữu T2, sinh ngày 28/01/2014 (phù hợp nguyện vọng của cháu T2). Chị Triệu Thị Mỹ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Mai Hữu T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị Triệu Thị Mỹ L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Mai Hữu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không tự nguyện cấp dưỡng, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Triệu Thị Mỹ L chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003825 ngày 07/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị L không phải nộp thêm. Anh Mai Hữu T không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV12-Dồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UB nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Q – Bùi Nguyễn Tuyết Minh Nguyễn Thị T3